

Bản án số: 09/2025/DS-ST

Ngày 31-3-2025

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trịnh Diễm và bà Trần Thị Thu Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Huyền – Thư ký TAND huyện Triệu Phong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2024/TLVA-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1969, nơi cư trú: A T, phường E, TP ., tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- Bị đơn: Ông Hồ Quý N, sinh năm 1994; nơi cư trú: thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Hồ Thị T; sinh năm 1961; nơi cư trú: thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/11/2024, nguyên đơn bà Phạm Thị C trình bày:

Từ ngày 12 tháng 01 năm 2021 đến ngày 15 tháng 3 năm 2021, bà C cho ông Hồ Quý N vay mượn tiền nhiều lần. Tính đến ngày 15/3/2021, ông Hồ Quý N còn nợ của bà C tổng số tiền 410.000.000 đồng. Theo giấy xác nhận nợ ngày 22/7/2021, Hồ Quý N cam kết sẽ thanh toán cho bà C toàn bộ số tiền còn nợ là 410.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 15/3/2021 sẽ trả vào ngày 15 hàng tháng, hẹn sẽ trả toàn bộ số tiền gốc và lãi vào cuối tháng 10 năm 2021. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ, mặc dù bà C đã nhiều lần yêu cầu ông N và bà T thanh toán khoản nợ nêu trên nhưng ông N và bà T không thực hiện, không thanh toán cho bà C. Vì vậy, bà Phạm Thị C yêu cầu Tòa án buộc ông N và bà T phải thanh toán với số tiền: 522.750.000 đồng (*Năm trăm hai mươi hai*

triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng), trong đó: số tiền nợ gốc 410.000.000 đồng; số tiền lãi phát sinh từ ngày 15/3/2021 đến ngày 15/11/2024 là: 112.750.000 đồng.

Theo đơn trình bày bổ sung ý kiến ngày 07/01/2025, nguyên đơn bà Phạm Thị C trình bày: Bà Phạm Thị C yêu cầu Tòa án buộc ông Hồ Quý N phải thanh toán với số tiền: 522.750.000 đồng (*Năm trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng*), trong đó: số tiền nợ gốc 410.000.000 đồng; số tiền lãi phát sinh từ ngày 15/3/2021 đến ngày 15/11/2024 là: 112.750.000 đồng. Không yêu cầu bà Hồ Thị T trả nợ.

Theo đơn trình bày bổ sung ý kiến ngày 27/3/2025, nguyên đơn bà Phạm Thị C trình bày: Theo giấy xác nhận nợ ngày 22/7/2021 thể hiện nội dung “*lãi tính đến 15 hàng tháng, còn 30 triệu lãi tháng 4,5,6 chưa trả*” có ý nghĩa là: “*Tháng 4,5,6 năm 2021, ông N thoả thuận phải trả tôi số tiền lãi là 30 triệu trên số nợ gốc là 410 triệu, tương ứng số tiền lãi hàng tháng khoảng 2,43%/ tháng. Tuy nhiên, hiện nay tôi chỉ yêu cầu ông N trả lãi suất 7.5%/ năm.*”

Riêng đối với thoả thuận trả lãi từ ngày 22/7/2021 thì chúng tôi chỉ thoả thuận là trả lãi chứ không thoả thuận cụ thể số tiền lãi. Nay, tôi yêu cầu toà án tính tiền lãi này là 7.5%/năm”.

*** Đại diện VKSND huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị trình bày ý kiến:**

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C. Buộc ông Hồ Quý N phải trả cho bà Phạm Thị C số tiền 522.750.000 đồng (*Năm trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng*), trong đó: số tiền nợ gốc 410.000.000 đồng; số tiền lãi phát sinh từ ngày 15/3/2021 đến ngày 15/11/2024 là: 112.750.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Các bên tranh chấp liên quan đến giấy xác nhận nợ của ông Hồ Quý N nên quan hệ tranh chấp được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị thể hiện: Ông Hồ Quý N, sinh năm 1994 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Triệu Phong theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2]. Về việc xác định tư cách tham gia tố tụng: Tại thông báo về việc thụ lý vụ án số: 84/2024/TLVA-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024 của TAND huyện Triệu Phong xác định bà Hồ Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án không liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của bà Hồ Thị T; bà Hồ Thị T chỉ biết việc vay mượn tiền giữa bà Phạm Thị C và ông Hồ Quý N. Vì vậy, Tòa án chấm dứt tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của bà Hồ Thị T và xác định bà Hồ Thị T là người làm chứng.

[2.3] Về việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng: Bị đơn là ông Hồ Quý N mặc dù đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị nhưng không có mặt tại địa phương nên Tòa án tiến hành niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng, niêm yết đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 179, 180 BLTTDS.

[2.4]. Về vắng mặt của bị đơn: Bị đơn, ông Hồ Quý N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng không có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung khởi kiện của bà Phạm Thị C: Theo yêu cầu khởi kiện của bà C đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Hồ Quý N phải số tiền 522.750.000 đồng (*Năm trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng*), trong đó: số tiền nợ gốc 410.000.000 đồng; số tiền lãi phát sinh từ ngày 15/3/2021 đến ngày 15/11/2024 là: 112.750.000 đồng.

[3.1] Đối với khoản nợ gốc: Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo giấy xác nhận nợ ngày 22/7/2021 có chữ ký của Hồ Quý N và xác nhận của bà Hồ Thị T (mẹ của Hồ Quý N) có nội dung: “Ngày 15/3/2021, tổng 410.000.000 đ, lãi tính đến 15 hàng tháng, còn 30 triệu lãi tháng 4,5,6 chưa trả. Hôm nay, ngày 22/7/2021, hẹn trả gốc 410.000.000 đ đến kỳ hạn 3 tháng đến cuối tháng 10/2021 là trả cho đủ hết số gốc 410.000.000 đ. Số lãi thì trả đúng hạn hàng tháng. Nếu đến hạn mà không có trả thì sẽ thanh lý tài sản trên tiệm vàng cho đủ số tiền 410.000.000 đ”. Căn cứ vào Giấy xác nhận nợ ngày 22/7/2021 có thể xác định tính đến ngày 15/3/2021, ông Hồ Quý N còn nợ bà Phạm Thị C số tiền 410.000.000 đồng. Do đó, việc bà Phạm Thị C khởi kiện yêu cầu ông Hồ Quý N phải trả số tiền 410.000.000 đồng là có căn cứ.

[3.2] Đối với lãi suất:

[3.2.1] Đối với khoản tiền lãi các tháng 4,5,6/2021, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo giấy xác nhận nợ ngày 22/7/2021 thể hiện nội dung “*lãi tính đến 15 hàng tháng,*

còn 30 triệu lãi tháng 4,5,6 chưa trả”. Theo trình bày của bà C thì nội dung này có ý nghĩa là: “Tháng 4,5,6 năm 2021, ông N thoả thuận phải trả tôi số tiền lãi là 30 triệu trên số nợ gốc là 410 triệu, tương ứng số tiền lãi hàng tháng khoảng 2,43%/ tháng”. Tuy nhiên, theo yêu cầu khởi kiện thì bà C chỉ yêu cầu ông N trả lãi suất 7.5%/ năm. Thấy rằng, yêu cầu này là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 468 BLDS nên cần chấp nhận.

[3.2.1] Đối với khoản tiền lãi từ ngày 22/7/2021 đến 15/11/2024, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo giấy xác nhận nợ ngày 22/7/2021 thể hiện lãi suất vay giữa bà C và ông N là theo thoả thuận chứ không thoả thuận lãi suất cụ thể. Theo yêu cầu khởi kiện thì bà C chỉ yêu cầu ông N trả lãi suất 7.5%/năm đến ngày 15/11/2024. Thấy rằng, yêu cầu này là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 468 BLDS nên cần chấp nhận.

Do đó, lãi suất từ ngày 15/3/2021 đến ngày 15/11/2024 là: 410.000.000 đồng x 3 năm 8 tháng x 7,5%/ năm = 112.750.000 đồng.

Từ những căn cứ nêu trên, cần buộc ông Hồ Quý N phải trả cho bà C số tiền là 522.750.000 đồng (Năm trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng), trong đó: số tiền nợ gốc 410.000.000 đồng; số tiền lãi phát sinh từ ngày 15/3/2021 đến ngày 15/11/2024 là: 112.750.000 đồng.

[5] Về án phí: Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C, buộc ông Hồ Quý N có nghĩa vụ trả nợ cho bà C số tiền 522.750.000 đồng. Vì vậy, ông Hồ Quý N phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền 522.750.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C. Buộc ông Hồ Quý N phải trả cho bà Phạm Thị C số tiền 522.750.000 đồng (Năm trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng), trong đó: số tiền nợ gốc 410.000.000 đồng; số tiền lãi phát sinh từ ngày 15/3/2021 đến ngày 15/11/2024 là: 112.750.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự,

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. *Về án phí*: Buộc ông Hồ Quý N phải chịu 24.910.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Bà Phạm Thị C số tiền tạm ứng án phí 12.455.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số 0000264 ngày 27/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

3. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Hồ Quý N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- CCTHADS huyện Triệu Phong;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Hùng